



Thứ hai, ngày 26 tháng 11 năm 2018

Vietnam Daily Review

Thanh khoản ảm đạm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/11/2018		•	
Tuần 26/11-30/11/2018		•	
Tháng 11/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động và giảm ở phiên sáng, chỉ số tăng ở phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VNM (+2.77 điểm); VIC (+1.49 điểm); VHM (+0.94 điểm); NVL (+0.22 điểm); MSN (+0.18 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm GAS (-1.01 điểm); SAB (-0.68 điểm); VPB (-0.26 điểm); TPB (-0.18 điểm); KDH (-0.16 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu thực phẩm và bất động sản, thanh khoản giảm so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 1960.9 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 7.53 điểm. Thị trường có 142 mã tăng và 153 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 3.06 điểm, đóng cửa tại 921.03 điểm. Tuy nhiên, HNX-Index giảm 0.29 điểm ở mức 103.98 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 35.77 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (96.83 tỷ), HPG (25.88 tỷ), BID (5.24 tỷ). Ngoài ra, họ đã bán ròng 25.63 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index biến động và giảm điểm nhẹ. Lực bán tập trung lớn nhất ở cổ phiếu: GAS, VPB, VCB. Đến phiên chiều, chỉ số tăng điểm nhờ lực mua ở nhóm cổ phiếu họ nhà VIC (VHM, VIC) và cổ phiếu VNM là mã kéo thị trường tăng điểm mạnh nhất. Nhìn chung, thanh khoản thị trường hôm nay khá ảm đạm và khối ngoại mua ròng nhẹ. Theo quan điểm BSC, thị trường trong nước tăng điểm theo xu hướng thị trường khu vực với chỉ số MSCI tăng 1.48% bao gồm cả thị trường Nhật Bản nhờ tâm lý nhà đầu tư kỳ vọng diễn biến tích cực từ cuộc họp G20 sắp diễn ra vào cuối tuần này.

Phân tích kỹ thuật:

VHM_Hồi phục

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **921.03**

Giá trị: 1960.9 tỷ **3.06 (0.33%)**

Khối ngoại (ròng): 35.77 tỷ

HNX-INDEX **103.98**

Giá trị: 415.73 tỷ **-0.29 (-0.28%)**

Khối ngoại (ròng): -25.63 tỷ

UPCOM-INDEX **52.11**

Giá trị: 349.54 tỷ **0.24 (0.46%)**

Khối ngoại(ròng): 12.1 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	51.2	1.57%
Giá vàng	1,226	0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,333	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	26,533	0.32%
Tỷ giá JPY/VND	20,594	-0.28%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	96.8	GAS	32.6
HPG	25.9	AAA	24.0
BID	5.2	VJC	10.6
MSN	5.2	VIC	8.4
STB	4.4	VHC	5.9

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Danh mục khuyến nghị	Trang 3
Cổ phiếu lớn	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

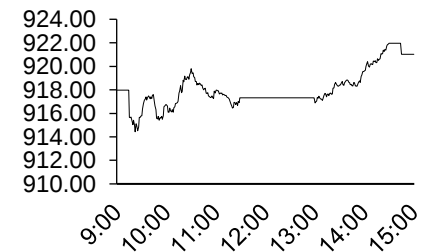
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
VNM	9.6	123.1	115	128	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
HPG	3.9	35.6	35	40	MUA	Giảm giá kéo dài
PVS	3.5	19.2	18	20	NGỪNG MUA	Tăng giá trong dài hạn
VCG	3.4	18.5	17	20	NGỪNG BÁN	Điều chỉnh trong ngắn hạn
ROS	2.9	36.2	35	39	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VIC	2.8	100.5	90	106	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
GAS	2.6	90.8	89	97	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
CTI	2.5	23.2	23	26	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
MBB	2.4	20.8	20	22	NGỪNG MUA	Giảm giá kéo dài
AAA	2.1	15.5	14	16	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

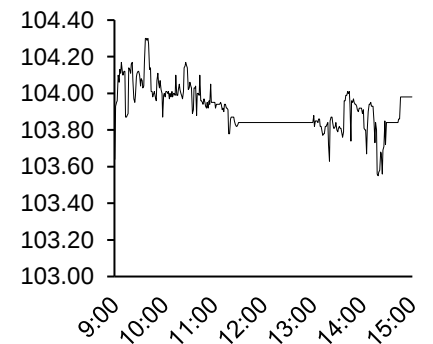
Phân tích kỹ thuật

VHM_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục trung hạn
- Chỉ báo MACD: Tăng mạnh
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận Bollinger trên
- Đường MA: MA20 nằm dưới MA50 và MA100

Nhận định: VHM là cổ phiếu thuộc nhóm ngành Bất động sản đang trung xu hướng hồi phục trung hạn. Chỉ báo MACD tăng mạnh, chỉ báo RSI tiếp cận Bollinger trên, khối lượng giao dịch được duy trì ở mức thấp. Đường MA20 nằm dưới hai đường MA50 và MA100 cho tín hiệu giảm giá, tuy nhiên, giá VHM đã tạo thành đáy mới cao hơn đáy cũ - đỉnh mới cao hơn đỉnh cũ cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã được xác nhận. Nếu giá VHM vượt qua ngưỡng kháng cự quanh ngưỡng 77.3, nhiều khả năng VHM sẽ tiếp tục tăng giá trung hạn.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1812	890.4	0.4%	3.3%
VN30F1901	890.4	0.4%	-5.9%
VN30F1903	889.1	0.3%	77.8%
VN30F1906	890.6	0.6%	77.4%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	123	4.3	3.7
VIC	101	1.5	1.5
MWG	85	1.2	0.4
MSN	82	0.6	0.4
NVL	69	1.2	0.4

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	22	-2	-1.0
SAB	238	-1	-0.5
FPT	42	-1	-0.4
MBB	21	-1	-0.3
GAS	91	-2	-0.3

Created with AmiBroker - advanced charting and technical analysis software. <http://www.amibroker.com>

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	32.50	-0.6%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	13.20	4.8%	11.6	14.5
3	PTB	4/10/2018	64.00	63.00	-1.6%	58.9	73.6
Trung bình					0.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	29/12/2017	20.8	20.80	0.0%	19.1	25.0
2	HPG	29/12/2017	33.4	35.60	6.6%	31.7	40.1
3	HCM	18/09/2017	41.9	55.30	32.0%	39.8	60.0
Trung bình					12.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	29/12/2017	17.7	16.5	-6.8%	16.3	21.2
2	TCB	31/10/2018	26.9	26.0	-3.5%	25.0	30.0
Trung bình					-5.2%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	85.0	1.2%	0.7	1,591	0.9	6,481	13.1	4.5	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	96.0	0.9%	1.0	677	0.7	5,428	17.7	4.6	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	97.9	0.0%	1.3	2,983	0.6	1,728	56.7	4.7	24.8%	8.4%	
PVI	Bảo hiểm	31.3	-0.6%	0.8	315	0.2	2,265	13.8	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	100.5	1.5%	1.1	13,946	2.8	1,366	73.6	5.8	9.5%	10.3%	
VRE	Bất động sản	31.0	0.5%	1.1	3,134	1.0	646	47.9	2.8	31.5%	5.7%	
NVL	Bất động sản	68.9	1.2%	0.8	2,718	0.4	2,368	29.1	3.6	7.6%	14.2%	
REE	Bất động sản	32.5	-0.6%	1.1	438	0.2	5,068	6.4	1.1	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	24.9	-0.4%	1.5	379	1.0	3,042	8.2	1.9	47.5%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	27.8	-0.4%	1.3	603	1.3	2,899	9.6	1.5	57.9%	15.8%	
VCI	Chứng khoán	50.8	0.2%	1.0	360	0.1	4,289	11.8	2.7	41.4%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	55.3	-0.4%	1.4	311	0.2	6,094	9.1	2.3	62.3%	27.8%	
FPT	Công nghệ	42.5	-1.4%	0.9	1,132	0.9	5,322	8.0	2.2	49.0%	28.9%	
FOX	Công nghệ	51.5	0.0%	0.4	506	0.0	3,453	14.9	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	90.8	-1.8%	1.5	7,556	2.6	6,473	14.0	4.1	3.5%	30.6%	
PLX	Dầu khí	58.1	-0.2%	1.5	2,927	0.5	3,285	17.7	3.4	10.9%	19.5%	
PVS	Dầu khí	19.2	0.5%	1.7	399	3.5	1,747	11.0	0.8	19.5%	7.8%	
BSR	Dầu khí	15.1	3.4%	0.8	2,036	0.7	#N/A	N/A	N/A	N/A	34.4%	23.0%
DHG	Dược	84.0	0.0%	0.5	478	0.1	4,037	20.8	3.7	49.1%	18.3%	
DPM	Hóa chất	19.8	-0.8%	0.9	337	0.3	1,492	13.3	1.0	21.1%	8.1%	
DCM	Hóa chất	9.9	-0.8%	0.7	228	0.1	997	9.9	0.9	4.0%	8.6%	
VCB	Ngân hàng	54.0	0.0%	1.3	8,447	1.6	3,360	16.1	3.2	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	31.7	-0.2%	1.7	4,704	1.1	2,401	13.2	2.1	2.8%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	22.5	0.2%	1.6	3,642	1.7	2,064	10.9	1.2	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	21.6	-1.6%	1.2	2,307	1.6	2,820	7.7	1.8	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	20.8	-0.7%	1.2	1,954	2.4	2,366	8.8	1.4	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	29.1	0.3%	1.2	1,578	2.1	3,498	8.3	1.9	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	57.0	2.0%	0.9	203	0.3	5,586	10.2	1.9	77.4%	18.5%	
NTP	Nhựa	41.0	-6.6%	0.4	159	0.0	3,938	10.4	1.7	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	21.0	-1.4%	1.2	821	0.1	229	91.8	1.7	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	35.6	0.1%	0.9	3,287	3.9	4,334	8.2	1.9	39.5%	26.7%	
HSG	Thép	7.1	2.2%	1.4	119	0.5	1,065	6.7	0.5	17.4%	8.0%	
VNM	Tiêu dùng	123.1	4.3%	0.6	9,320	9.6	4,997	24.6	8.4	58.9%	35.2%	
SAB	Tiêu dùng	238.1	-0.6%	0.8	6,639	0.2	6,902	34.5	9.2	9.8%	28.5%	
MSN	Tiêu dùng	82.1	0.6%	1.2	4,152	1.2	5,416	15.2	4.9	40.3%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	21.6	0.0%	0.7	465	2.0	869	24.9	1.8	10.5%	11.3%	
ACV	Vận tải	79.5	-1.2%	0.8	7,525	0.0	1,883	42.2	6.3	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	127.0	0.0%	1.1	2,991	2.1	9,463	13.4	6.5	23.8%	67.1%	
HVN	Vận tải	33.0	2.5%	1.7	1,791	0.7	1,727	19.1	2.7	9.2%	14.6%	
GMD	Vận tải	28.2	-0.9%	0.8	364	0.8	6,311	4.5	1.5	48.4%	30.8%	
PVT	Vận tải	16.5	0.6%	0.8	202	0.0	2,165	7.6	1.2	34.3%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	73.0	-2.7%	1.0	508	0.4	5,620	13.0	4.1	2.5%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	16.7	-0.6%	0.9	326	2.0	1,179	14.2	1.2	24.4%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.2	-1.5%	0.8	219	0.0	1,599	8.3	1.0	5.2%	12.2%	
CTD	Xây dựng	150.5	-0.8%	0.8	512	0.4	20,202	7.4	1.5	44.2%	21.1%	
VCG	Xây dựng	18.5	-8.9%	1.4	355	3.4	2,384	7.8	1.3	0.0%	17.6%	
CII	Xây dựng	26.4	-0.2%	0.6	281	0.2	332	79.5	1.3	54.7%	1.7%	
POW	Điện	15.1	4.9%	0.6	1,537	1.0	1,026	14.7	1.3	71.9%	9.1%	
NT2	Điện	25.4	1.6%	0.6	318	0.1	2,874	8.8	2.0	21.8%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	123.10	4.32	2.78	1.82MLN
VIC	100.50	1.52	1.50	642520.00
VHM	77.00	1.18	0.94	301550.00
NVL	68.90	1.17	0.23	145300.00
MSN	82.10	0.61	0.18	349670.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	90.80	-1.84	-1.02	668590.00
SAB	238.10	-1.41	-0.68	21380.00
VPB	21.60	-1.59	-0.27	1.75MLN
TPB	26.45	-3.82	-0.18	600550.00
KDH	28.10	-4.42	-0.17	147170.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KPF	30.80	6.94	0.01	231130.00
NAV	8.96	6.92	0.00	8980.00
LGC	31.00	6.90	0.12	10.00
C47	21.30	6.77	0.01	106430.00
CEE	16.65	6.73	0.01	10130.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIE	8.92	-6.99	0.00	10.00
VAF	10.05	-6.94	-0.01	170.00
AGM	11.45	-6.91	-0.01	46420.00
ANV	28.45	-6.87	-0.08	910910.00
VID	5.65	-6.82	0.00	2280.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	29.10	0.34	0.13	1.63MLN
DNP	15.00	9.49	0.06	8200.00
CEO	13.80	3.76	0.05	1.30MLN
PHP	11.00	10.00	0.03	30800.00
NVB	10.30	0.98	0.03	1.08MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCG	18.50	-8.87	-0.12	3.78MLN
SHB	7.30	-1.35	-0.11	791500.00
NTP	41.00	-6.61	-0.08	1100.00
VCS	73.00	-2.67	-0.07	123500.00
PGS	29.50	-4.84	-0.05	2300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

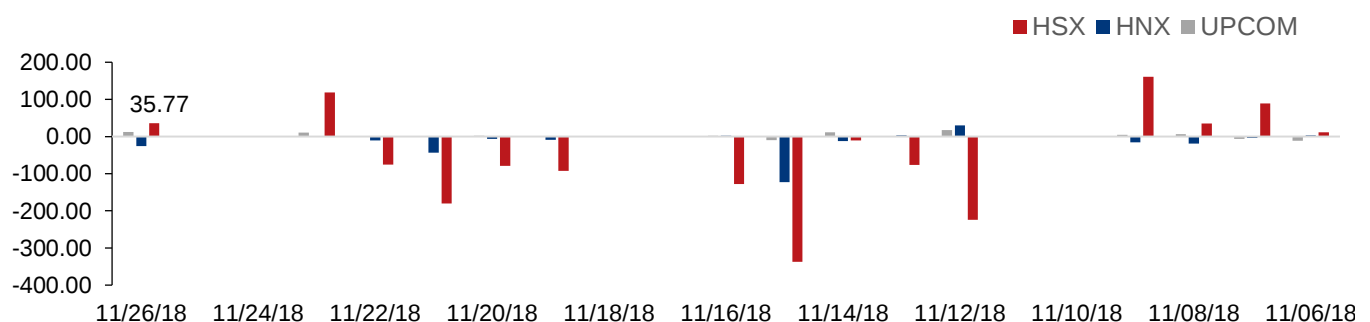
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.70	16.67	0.00	4000.00
PHP	11.00	10.00	0.03	30800.00
PVX	1.10	10.00	0.02	100900.00
DPC	12.50	9.65	0.00	100.00
PPY	17.10	9.62	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.80	-11.11	0.00	69800.00
SDU	9.00	-10.00	0.00	50200.00
WCS	115.20	-10.00	-0.01	100.00
VE1	10.20	-9.73	0.00	2900.00
SDG	29.70	-9.73	-0.01	1100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	15.0	157	95.4	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.4	2,874	8.8	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.4	1,102	12.2	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	25.4	-2,092	#N/A	2.1	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	29.1	3,498	8.3	1.9	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	39.8	5,746	6.9	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	15.3	1,087	14.1	1.3	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.5	2,165	7.6	1.2	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	35.6	4,334	8.2	1.9	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	24.9	3,042	8.2	1.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	19.2	3,200	6.0	1.3	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	29.3	5,796	5.1	1.6	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.5	5,322	8.0	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	54.0	3,360	16.1	3.2	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	19.2	1,747	11.0	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	20.8	2,366	8.8	1.4	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	150.5	20,202	7.4	1.5	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.3	-370	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	88.7	18,132	4.9	1.4	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	96.0	5,428	17.7	4.6	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

